TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____
Số: 17/2020/QĐST-HNGĐ	*Yên Thủy, ngày 03 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 151/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G, sinh năm 1977.
- Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện Y, tỉnh H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Y, tỉnh H – Phòng giao dịch N. Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị N, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch N.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55; Điều 60; điều 81; điều 82; điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị G và anh Trần Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bùi Thị G và anh Trần Văn S có 02 con chung là Trần Ngọc S1, sinh ngày 10/9/2001 và Trần Anh K, sinh ngày 03/01/2015. Vợ chồng ly hôn chị Bùi Thị G và anh Trần Văn S thống nhất thỏa thuận:

Cháu Trần Ngọc S1 hiện nay đã trưởng thành nên chị Bùi Thị G và anh Trần Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Trần Anh K, sinh ngày 03/01/2015 cho chị Bùi Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị G chưa yêu cầu anh Trần Văn S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

2.2. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị G và anh Trần Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Chị Bùi Thị G, anh Trần Văn S, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Y, tỉnh H – Phòng giao dịch N thống nhất trách nhiệm trả nợ như sau:

Anh Trần Văn S có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Y, tỉnh H – Phòng giao dịch N số tiền vay dư nợ tính đến ngày 23/02/2020 gốc là 116.200.000đ (*Một trăm mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) và lãi là 3.979.667đ (*Ba triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

2.4. Về án phí: Chị Bùi Thị G tự nguyện nhận nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.225.000đ (*Ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005966 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh H. Nay chị Bùi Thị G được hoàn trả lại 3.075.000đ (*Ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Anh Trần Văn S nộp 3.004.000đ (*Ba triệu không trăm linh bốn nghìn đồng*) tiền án phí dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Hải Dương